

Bản án số: 251/2017/DS-PT

Ngày: 15-9-2017

V/v tranh chấp dân sự về

QSDĐ và Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2017, về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hà Thị Thu H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà 32, ấp 1, xã G, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Hà Thanh C2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Võ Thị G1, sinh năm 1963 (có mặt);

3.2. Hà Cẩm T1, sinh năm 1985;

3.3. Hà Kim C1, sinh năm 1987;

- 3.4. Hà Cẩm C3, sinh năm 1990;
- 3.5. Hà Ngọc N, sinh năm 1991;
- 3.6. Hà Kim X, sinh năm 1968 (có mặt);
- 3.7. Nguyễn Bá N2, sinh năm 1971 (có mặt);
- 3.8. Nguyễn A, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Hà Cẩm T1, Hà Cẩm C3, Hà Ngọc N, Hà Kim C1 là ông Hà Thanh C2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày 30/6/2016, ngày 05/7/2016 và ngày 11/7/2017).

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn A là ông Nguyễn Bá N2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2017).

3.9. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hồng S – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Chí I – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2017) (có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Hà Thị Thu H- là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng tại tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hà Thị Thu H ủy quyền cho ông Hứa Văn Đ trình bày: Nguyên cha mẹ của bà H là ông Hà Văn Đ1 (chết ngày 20/11/2013) và bà Đoàn Thị G2 (chết ngày 29/12/2011) có tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 509m², thuộc thửa số 1133, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4: Căn nhà chính có diện tích ngang 6m, dài 11m; Căn nhà phụ có diện tích ngang 8m, dài 5m cùng các vật dụng có trong căn nhà. Quyền sử dụng đất trên bà G2 được ông Đoàn Văn K1 cho vào năm 1990.

Ngày 13/9/2011, cha mẹ của bà H có tiến hành lập di chúc tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp với nội dung là để lại toàn bộ số tài sản gồm đất và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà kết cấu khung gỗ vách ván, nền lót gạch men và gạch tàu, mái lợp tole, trị giá căn nhà khoảng 15.000.000 đồng và các vật dụng bên trong căn nhà cho bà Hà Thị Thu H được quyền thừa hưởng theo di chúc. Ngày 25/6/2014, bà H tiến hành làm thủ tục nhận tài sản thừa kế và làm thủ tục sang tên và bà H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/8/2014, đất được tách thành 02 thửa, thửa 1160 với diện tích là 168m² và thửa 1161 với diện tích là 341m² thuộc tờ bản đồ số 08. Trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H có cho hộ ông Hà Thanh C2 ở nhờ trên đất thuộc thửa 1161, tờ bản đồ số 08, đến khi bà H được cấp Giấy chứng nhận đất thì bà tiếp tục cho hộ ông C2 ở nhờ, trông coi nhà cửa thuộc thửa 1161, tờ bản đồ số 08. Việc bà H cho hộ ông C2 ở nhờ trên phần đất nói trên không có làm giấy tờ.

Nay bà Hà Thị Thu H yêu cầu các vấn đề sau:

- Yêu cầu ông Hà Thanh C2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Võ Thị G1, Hà Cẩm T1, Hà Kim C1, Hà Cẩm C3, Hà Ngọc N di dời nhà phía sau ông C2 đã cải tạo lại vào năm 2000, nhà vệ sinh xây dựng năm 2014 đi nơi khác và trả lại cho bà H diện tích đất 312,7m² thuộc thửa số 1161, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (đất nằm trong phạm vi các mốc 05, 10, 09, 11, 12, 13, 14, 02, 03 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/5/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C) một căn nhà chính, mái hiên gắn liền với nhà chính cùng các vật dụng có trong hai căn nhà trên do cha mẹ để lại theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án ngày 18/5/2016.

- Đối với diện tích đất 229,8m², thuộc thửa 1160 hiện nay hộ bà Hà Kim X quản lý, sử dụng thì bà H không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Nếu sau này bà H có yêu cầu thì bà sẽ tranh chấp bằng một vụ kiện khác.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Hà Thị Thu H các thửa đất 1160 và 1161, thuộc tờ bản đồ số 08 của ông C2 thì bà H không đồng ý. Trong trường hợp Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà, thì bà H cũng không yêu cầu giải quyết chia thừa thừa kế theo pháp luật mà bà sẽ yêu cầu sau bằng một vụ kiện khác, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đang giữ không thể chấp hay cầm cố cho ai.

Bà Hà Thị Thu H đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày vào 10/6/2016. Bà H không có khiếu nại gì về kết quả định giá.

- Bị đơn ông Hà Thanh C2; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị G1 (đồng thời ông Hà Thanh C2 đại diện theo ủy quyền của chị Hà Cẩm T1, chị Hà Cẩm C1, anh Hà Ngọc N) trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cậu của ông, bà là ông Đoàn Văn K1 cho cả hộ của mẹ ông, bà gồm: Cha, mẹ của ông là ông Hà Văn Đ1, bà Đoàn Thị G2, vợ chồng ông, bà là Hà Thanh C2, Võ Thị G1 và các con của ông, bà là Hà Cẩm T1, Hà Kim C1, Hà Cẩm C3, Hà Ngọc N ở trên đất với diện tích 509m² thuộc thửa số 1133 (thửa cũ), đất tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 1991. Sau khi ông K1 chết thì ông Đoàn

Thanh Q là con của ông K1 có tranh chấp và đã được hòa giải thì phía ông Q công nhận quyền sử dụng đất trên là của ông K1 tặng cho hộ bà G2, nên ông Q đã ký tên tại Ủy ban nhân dân huyện C đồng ý giao đất cho hộ bà G2 và vợ chồng cùng các con của ông, bà ở trên đất từ năm 1991 đến nay chứ không có việc được bà H cho ở nhờ như bà H trình bày. Sau đó, không biết vì sao mà cha, mẹ của ông, bà là ông Hà Văn Đ1 và bà Đoàn Thị G2 đã lập di chúc để lại toàn bộ diện tích đất trên cho bà Hà Thị Thu H, từ đó bà H đã đăng ký quyền sử dụng đất và đất tách thành hai thửa 1160 và 1161, tờ bản đồ số 08, ông, bà không hay biết.

Ông Hà Thanh C2 và bà Võ Thị G1 cùng tất cả các thành viên trong hộ của ông, bà chỉ đồng ý trả vật dụng sinh hoạt trong nhà và căn nhà chính do cha mẹ để lại đã được thẩm định ngày 18/5/2016 chứ không đồng ý trả đất. Vì diện tích đất cậu của ông, bà cho cả hộ nhưng khi cha, mẹ ông, bà lập di chúc để lại cho bà H mà không có ý kiến của ông, bà cũng như các thành viên khác trong hộ là không hợp pháp.

Nay ông C2 và bà G1 cùng các con là chị C1, chị T1, chị C3, anh N yêu cầu các vấn đề sau: Vì di chúc của ông Đ1, bà G2 cho bà H là không hợp pháp vì đất cấp cho hộ nên ông C2 và bà G1 cùng các con yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Hà Thị Thu H đối với các thửa đất 1160 và 1161, thuộc tờ bản đồ số 08. Để đất, cây cối của bà G2 được Tòa án thẩm định ngày 18/5/2016 trở thành di sản và người đang quản lý di sản đó là vợ chồng con cái của ông bà, khi nào có tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ1, bà G2 sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác, chứ ông C2 và bà G1 cùng các con không yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất nói trên cho hộ của ông, bà đồng thời cũng không yêu cầu Tòa án xem xét phần của từng thành viên trong hộ có được bao nhiêu đất trong tổng diện tích được đo đạc ngày 18/5/2016. Trong trường hợp Tòa án phán quyết hộ ông phải trả đất cho bà H thì cả hộ của ông, bà cũng không yêu cầu xem xét công sức đóng góp, công đầu tư trên đất, chi phí quản lý di sản từ khi cha mẹ chết cho đến nay. Trong trường hợp Tòa án phán hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông, bà không yêu cầu giải quyết phần cây cối có trên đất do ông C2 trồng, không yêu cầu hộ bà Kim X di dời đi nơi khác.

Ngoài ra, ông C2 và bà G1 xác định tại thời điểm lập di chúc ngày 13/9/2011 thì ông Hà Văn Đ1 và bà Đoàn Thị G2 đã lớn tuổi, bị bệnh tai biến, nên tinh thần không còn minh mẫn. Ông Hà Thanh C2 và bà Võ Thị G1 xác định ông, bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông Hà Văn Đ1 và bà Đoàn Thị G2 trong tờ di chúc ngày 13/9/2011 tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp vì chữ viết, chữ ký, dấu vân tay là của cha, mẹ. Việc cho rằng cha mẹ không minh mẫn ông, bà cũng không có gì để chứng minh.

Ông Hà Thanh C2 và bà Võ Thị G1 đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá vào ngày 10/6/2016. Ông C2 và bà G1 không có khiếu nại gì về kết quả định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Kim C1 trình bày trong các lần hòa giải và tại phiên tòa:

Ý kiến của chị giống như ý kiến và yêu cầu của bà G1, ông C2 không trình bày thêm.

Chị Hà Kim C1 đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 10/6/2016. Chị C1 không có khiếu nại gì về kết quả định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hà Kim X và ông Nguyễn Bá N2 cùng trình bày:

Bà X là con ruột và ông N2 là con rể của ông Hà Văn Đ1 và bà Đoàn Thị G2. Sau khi ông, bà kết hôn do không có nơi ở nên ông Đ1 và bà G2 có cho ông bà ở nhờ trên phần đất thuộc thửa 1160 như hiện nay. Khi ông, bà được cha mẹ cho ở nhờ trên phần đất nói trên thì hiện trạng đất lúc đó là cái mương sâu khoảng 02m, ông bà đã thuê người chở 40 xe đất mỗi xe giá 130.000 đồng để lấp lại mương trên. Sau khi san lấp mương, ông bà đã xây dựng nhà như hiện trạng Tòa án xem xét, thẩm định ngày 18/5/2016 và sinh sống cho đến nay.

Nay bà H, ông C2 không có tranh chấp với ông, bà nên ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Trong trường hợp, Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà H đối với diện tích đất đang tranh chấp, để số tài sản đang tranh chấp trở thành di sản như ý kiến của ông C2, bà G1 thì ông N2 và bà X không yêu cầu trả lại giá trị san lấp và chi phí di dời, cũng không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, khi nào yêu cầu sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

Ông Nguyễn Bá N2 đại diện cho chị Nguyễn A trình bày: Như lời trình bày của ông N2, bà X ở phần trên.

* Các bên đương sự nguyên đơn là bà Hà Thị Thu H, bị đơn là ông Hà Thanh C2 và bà Võ Thị G1 cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được ông C2 đại diện, chị Hà Kim C1 thống nhất giải quyết phần cây cối có trên đất như sau:

Trường hợp Tòa án phán đất thuộc về bà H thì 03 cây xoài do cha mẹ để lại nằm trên thửa số 1161, tờ bản đồ số 08 bà H được toàn quyền quản lý và sử dụng cây. Đối với các loại cây: Ôi, cam, mai, xoài, mít nằm trên thửa số 1161, tờ bản đồ số 08 do ông C2 trồng thì bà H đồng ý trả giá trị cây trên cho ông C2, ông C2 đồng ý nhận giá trị cây theo định giá ngày 10/6/2016.

Trường hợp Tòa án phán hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H thì cây cối có trên đất giữ nguyên hiện trạng khi nào có tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật sẽ giải quyết sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 06/2017/QĐ-SCBSBA ngày 14/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu di dời nhà (do ông C2 xây dựng năm 2000) trả 312,7m² đất thuộc thửa 1161 tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại xã B, huyện C của bà Hà Thị Thu H.

- Chấp nhận sự thỏa thuận giao, nhận tài sản giữa bà Hà Thị Thu H với ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N như sau:

Ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N đồng ý giao trả cho bà Hà Thị Thu H:

- + 01 tủ thờ cần có kích thước hông 0,75m, cao 1,28m, ngang 1,08m;
- + 02 thợ (bàn) thờ: 01 cái có kích thước ngang 1,25m, cao 0,72m, dài 1,6m; 01 cái có kích thước ngang 0,5m, cao 0,38m, dài 0,76m;
- + 01 nghi thờ có kích thước ngang 0,5m, cao 0,9m, dài 0,9m ;
- + 01 tủ áp phê để ly có kích thước hông 0,42m, cao 0,98m, dài 1,4m;
- + 02 tủ kiếng để đồ: 01 cái có kích thước hông 0,4m, cao 1,77m, dài 1,12m; 01 cái có kích thước hông 0,4m, cao 1,74m, dài 1,10m;
- + 01 bàn tròn có kích thước cao 0,75m, đường kính 1,10m ;
- + 01 bàn dài có kích thước ngang 0,8m, dài 1,63m, cao 0,78m;
- + 05 ghế dài mỗi cái có kích thước ngang 0,38m, dài 0,37m, cao 0,79m
- + 02 giường thao lao: Cái thứ nhất có kích thước ngang 1,66m, cao 0,58m, dài 2,2m; 01 cái có kích thước ngang 1,68m, cao 0,44m, dài 2,07m;
- + 02 bộ ngựa gỗ cùng kích thước dài 2,06m, ngang 1,56m, cao 0,55m, bề dày 0,05m;
- + 01 bộ lư có kích thước cao 0,53m, mặt ngang 0,22m, hông 0,2m kèm theo 02 con lân và 02 trái đào;

+ 02 cặp chân đèn: Cặp thứ nhất có kích thước cao 0,55m; cặp thứ 02 có kích thước cao 0,36m;

+ 01 ô trần bằng đồng có kích thước đường kính 0,2m, cao 0,08m;

+ 01 nắp nồi đồng có kích thước đường kính 0,24m;

+ 02 cái chuông cúng: 01 cái có đường kính 0,12m, cao 0,10m; 01 cái có đường kính 0,13m, cao 0,11m;

+ 01 căn nhà có kích thước ngang mặt tiền 6,29m, ngang mặt hậu 6,34m, dài một cạnh 12,09m, một cạnh 12,45m và mái hiên gắn liền nhà chính có diện tích 17,7m². Nhà và mái hiên có kết cấu lợp tol tiếp rô xi măng, vách ván, khung cây tạp, cửa gỗ kiểu lá sách, nền lót gạch tàu, gạch bông.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 18/5/2016 và bản đồ khu đất tranh chấp cũ bà Hà Thị Thu H được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C duyệt ngày 23/5/2016).

- Đình chỉ phần yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 542,5m² thuộc thửa 1160, 1161 của ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N.

- Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N.

- Hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho bà Hà Thị Thu H thuộc 02 thửa 1160, 1161, tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại xã B;

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà H phải nộp 3.345.400đồng, bà đã nộp xong.

Về án phí:

+ Án phí bà H phải nộp 7.007.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.800.000 đồng theo biên lai số 037827 ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ bà H còn phải nộp tiếp 3.207.000 đồng

+ Án phí ông C2, bà G1, chị Cẩm T1, chị Cẩm C3, chị Kim C1, anh Ngọc N phải nộp 2.354.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.420.000 đồng theo biên lai số 04801 ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ các đương sự trên còn được nhận lại 3.066.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 08 tháng 3 năm 2017, bà Hà Thị Thu H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hà Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Thu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bà Hà Thị Thu H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc hộ ông Hà Thanh C2 di dời nhà để trả lại cho bà H diện tích 312,7m² thuộc thửa đất số 1161, tờ bản đồ 08, tọa lạc tại xã B, huyện C. Vì bà H cho rằng diện tích đất trên là của bà Đoàn Thị G2 (mẹ bà H) vào năm 2011 lập di chúc để lại cho bà H.

[2] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày yêu cầu trên của bà Hà Thị Thu H là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Đối với hai thửa đất 1160 và 1161 cùng tờ bản đồ số 08 do bà Hà Thị Thu H đứng tên ngày 16/8/2014 đang tranh chấp trên là do vợ chồng bà Đoàn Thị G2, ông Hà Văn Đ1 vào ngày 13/9/2011 lập di chúc để lại cho bà H đứng tên sử dụng từ thửa cũ 1133, tờ bản đồ số 08 do hộ bà Đoàn Thị G2 đứng tên vào năm 2010. Đến năm 2014 bà H đi kê khai, đăng ký theo tờ di chúc trên nên bà H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 1160 và 1161 trên vào ngày 16/8/2014. Hội đồng xét xử xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào tờ di chúc trên để cấp lại cho bà H đứng tên sử dụng hai thửa đất 1160 và 1161 cùng tờ bản đồ số 08 trên là chưa phù hợp và cấp chưa đúng trình tự thủ tục, bởi vì thửa đất 1133 (thửa cũ do bà G2 đứng tên) là do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ

bà G2 đứng tên vào năm 2010, mà tại thời điểm cấp thửa 1133 cho hộ bà G2 đứng tên sử dụng thì trong hộ bà G2 còn có các thành viên như: Ông Hà Thanh C2, bà Hà Kim X (đều là con bà G2), bà Võ Thị G1 (vợ ông C2) và các con ông C2 đã trên 18 tuổi, nhưng những người trong hộ này không có ký tên trong tờ di chúc trên cũng như không có ký tên trong hồ sơ để cấp hai thửa đất số 1160 và 1161 trên cho bà H, do đó việc cấp hai thửa đất số 1160 và 1161 trên của Ủy ban nhân dân huyện C cho bà H là bỏ qua quyền lợi của người cùng chung trong hộ sử dụng đất với bà G2 (là ông C2, bà X, bà G1 và các con ông C2). Đồng thời, tại công văn số: 538/UBND-HC ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cung cấp thông tin cho Tòa án với nội dung trả lời là vào năm 2009 bà Đoàn Thị G2 là người đại diện cho hộ gia đình của bà G2 để thực hiện việc khiếu nại tranh chấp thửa đất số 1133 với ông Đoàn Thanh Q, do đó theo nội dung tại Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 16/11/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C là công nhận quyền sử dụng đất (thửa 1133) cho hộ bà Đoàn Thị G2 nên Ủy ban nhân dân huyện C xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1133, tờ bản đồ số 08 là cấp cho hộ bà Đoàn Thị G2 là đúng theo quy định pháp luật. Do đó trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà H căn cứ vào việc được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 1160 và 1161 trên nên bà H yêu cầu hộ ông C2, bà G1 di dời căn nhà phía sau của hộ ông C2 đi nơi khác để trả lại cho bà H sử dụng diện tích 312,7m² thuộc thửa đất số 1161 đang tranh chấp trên là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận; Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm thì bà H cũng không có tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh thửa đất số 1133 là của cá nhân bà G2 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu hộ ông C2, bà G1 trả lại cho bà H diện tích 312,7m² thuộc thửa đất số 1161 trên.

[3] Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hộ ông C2, bà G1 và các con yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất 1160 và thửa 1161 cấp cho bà Hà Thị Thu H. Như đã phân tích ở trên xét yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của hộ ông C2, bà G1 là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trong vụ án (bà H, bà X, ông C2) không yêu cầu chia thửa kế theo pháp luật đối với toàn bộ diện tích 542,5m² thuộc hai thửa 1160, 1161 và các loại cây cối có trên đất do ông Đ1, bà G2 trồng để lại và các đương sự cũng không yêu cầu giải quyết phần cây

cỏi do ông C2 trồng nằm trên thửa 1160 đã được xem xét thẩm định nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét thấy tại phiên tòa ông C2 đại diện cho chị Cẩm T1, chị Cẩm C3, anh Ngọc N cũng như ông C2, bà G1 và chị C1 rút phần yêu cầu về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho hộ ông C2, bà G1 được sử dụng diện tích đất 542,5m² thuộc 02 thửa 1160, 1161. Xét thấy việc rút phần yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu rút cầu trên của hộ ông C2, bà G1 và hộ ông C2, bà G1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với các tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong gia đình (tủ, bàn, ghế...) và 01 căn nhà chính có mái che gắn liền được thẩm định trong biên bản ngày 18/5/2016 thì vợ chồng C2, bà G1 và các con xác định đây là tài sản riêng của bà G2, ông Đ1. Ý nguyện của ông Đ1, bà G2 trước khi chết để lại cho bà H, đã được thể hiện trong nội dung di chúc ngày 13/9/2011 nên ông C2, bà G1 và các con ông C2 đồng ý giao trả các tài sản trên theo yêu cầu bà H. Xét thấy sự tự nguyện đồng ý giao các tài sản trên giữa hộ ông C2, bà G1 với bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 164 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những nhận định phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1 là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Thu H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Do phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa đúng theo quy định nên cần phải sửa lại cách tuyên cho rõ ràng và đúng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2, khoản 9, Điều 26; Điều 147; Điều 227, 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 164 Bộ luật dân sự; điều 26 luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Thu H.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Thu H về việc yêu cầu hộ ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N di dời nhà (nhà phía sau do hộ ông C2 xây dựng năm 2000) để trả lại cho bà Hà Thị Thu H diện tích 312,7m² đất thuộc thửa 1161, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
4. Chấp nhận sự thỏa thuận giao, nhận tài sản giữa bà Hà Thị Thu H với ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N như sau:

Ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N đồng ý giao trả cho bà Hà Thị Thu H các tài sản gồm:

+ 01 tủ thờ cần có kích thước hông 0,75m, cao 1,28m, ngang 1,08m;

+ 02 tợ (bàn) thờ: 01 cái có kích thước ngang 1,25m, cao 0,72m, dài 1,6m; 01 cái có kích thước ngang 0,5m, cao 0,38m, dài 0,76m;

+ 01 nghi thờ có kích thước ngang 0,5m, cao 0,9m, dài 0,9m ;

+ 01 tủ áp phê để ly có kích thước hông 0,42m, cao 0,98m, dài 1,4m;

- + 02 tủ kiếng để đồ: 01 cái có kích thước hông 0,4m, cao 1,77m, dài 1,12m; 01 cái có kích thước hông 0,4m, cao 1,74m, dài 1,10m;
- + 01 bàn tròn có kích thước cao 0,75m, đường kính 1,10m ;
- + 01 bàn dài có kích thước ngang 0,8m, dài 1,63m, cao 0,78m;
- + 05 ghế dài mỗi cái có kích thước ngang 0,38m, dài 0,37m, cao 0,79m
- + 02 giường thao lao: Cái thứ nhất có kích thước ngang 1,66m, cao 0,58m, dài 2,2m; 01 cái có kích thước ngang 1,68m, cao 0,44m, dài 2,07m;
- + 02 bộ ngựa gỗ cùng kích thước dài 2,06m, ngang 1,56m, cao 0,55m, bề dày 0,05m;
- + 01 bộ lư có kích thước cao 0,53m, mặt ngang 0,22m, hông 0,2m kèm theo 02 con lân và 02 trái đào;
- + 02 cặp chân đèn: Cặp thứ nhất có kích thước cao 0,55m; cặp thứ 02 có kích thước cao 0,36m;
- + 01 ô trầu bằng đồng có kích thước đường kính 0,2m, cao 0,08m;
- + 01 nắp nồi đồng có kích thước đường kính 0,24m;
- + 02 cái chuông cúng: 01 cái có đường kính 0,12m, cao 0,10m; 01 cái có đường kính 0,13m, cao 0,11m;
- + 01 căn nhà có kích thước ngang mặt tiền 6,29m, ngang mặt hậu 6,34m, dài một cạnh 12,09m, một cạnh 12,45m và mái hiên gắn liền nhà chính có diện tích 17,7m². Nhà và mái hiên có kết cấu lợp tol tiếp rô xi măng, vách ván, khung cây tạp, cửa gỗ kiểu lá sách, nền lót gạch tàu, gạch bông.

Hiện các tài sản trên do hộ ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1 đang quản lý.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 18/5/2016 và bản đồ khu đất tranh chấp củ bà Hà Thị Thu H được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C duyệt ngày 23/5/2016).

5. Đình chỉ xét xử đối với với yêu cầu của ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho hộ ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N được sử dụng diện tích đất 542,5m² thuộc hai thửa 1160, 1161 .

6. Chấp nhận yêu cầu của ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N về việc yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Hà Thị Thu H đứng tên cùng ngày 06/8/2014 thuộc hai thửa đất số 1160 và thửa 1161, cùng tờ bản đồ số 08:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01598 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Hà Thị Thu H đứng tên ngày 06/8/2014 thuộc thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp cấp GCN: CH01599 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Hà Thị Thu H đứng tên ngày 06/8/2014 thuộc thửa đất số 1161, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Về án phí:

- Bà Hà Thị Thu H phải nộp 7.007.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.800.000 đồng theo biên lai số 037827 ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ bà H còn phải nộp tiếp 3.207.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N phải cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.354.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.420.000 đồng theo biên lai số 04801 ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ thì ông Hà Thanh C2, bà Võ Thị G1, chị Hà Cẩm T1, chị Hà Kim C1, chị Hà Cẩm C3, anh Hà Ngọc N được nhận lại 3.066.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hà Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 05480 ngày 10/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (bà Hà Thị Thu H đã nộp xong án phí phúc thẩm).

8. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Hà Thị Thu H phải nộp 3.345.400 đồng (số tiền chi phí này bà H đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giao